

Nghĩ về thi cử và nhân tài ở Đồng bằng sông Cửu Long

GS.TS. NGUYỄN THANH TUYẾN

Tâm lý học tập là học để biết để vận dụng, ít có thói quen học “thuộc lòng” hay “tầm chương trích cú”. Nhiều thầy giáo từ miền Bắc vào cũng nhận xét: Nếu học sinh (sinh viên) ở miền Bắc, miền Trung thích đi vào lý luận, học thuật, thì học sinh (sinh viên) ở đây, thích đặt câu hỏi: làm sao, làm như thế nào, vận dụng vào thực tế ra sao? Còn thi cử của chúng ta hiện nay thì nặng nề “học thuộc” và lý thuyết suông!

Trong quá trình tranh luận có nên bỏ các kỳ thi tuyển quá nặng nề, tốn kém và thiên về học “thuộc lòng” như hiện nay không, đã hình thành 2 loại quan điểm: loại quan điểm thứ nhất, cho rằng thi cử phải được coi như tiêu chí “quyết định” việc đánh giá chất lượng học tập và chất lượng nguồn nhân lực sau đào tạo; loại quan điểm thứ hai, cho rằng, thi cử chưa phải là tiêu chuẩn duy nhất mà còn nhiều yếu tố tác động khác, như quá trình đào tạo, tự đào tạo, tinh thần trách nhiệm và tính năng động sáng tạo, nhạy cảm khi cọ sát trong hoạt động thực tiễn.

Với kinh nghiệm của gần 40 năm gắn với sự nghiệp đào tạo, tôi nghiêng về quan điểm thứ hai, bởi tôi đã được kiểm nghiệm qua nhiều thế hệ học sinh, sinh viên ra trường với những thất bại và thành công. Từ đó, tôi muốn liên hệ về thi cử và nhân tài ở ĐBSCL, nơi có tỷ lệ thi tuyển sinh còn thấp so với cả nước để biểu lộ vài suy tư!

1. Vì sao điểm thi tuyển thí sinh ở ĐBSCL vẫn còn thấp?

Theo tôi điều này có thể được lý giải bởi những nguyên nhân chủ yếu sau:

- Những lưu dân đầu tiên đến

khai phá vùng đất mới trong buổi sơ khai, phải đương đầu với thiên nhiên khắc nghiệt để sinh tồn. Song, sau khi chinh phục được thiên nhiên, thì lại được chính thiên nhiên ưu đãi (đồng ruộng mênh mông, tôm cá đầy đồng...). Thời văn minh nông nghiệp, ở đây dễ kiếm sống, đã tạo nên tâm lý không có chữ nghĩa cuộc sống vẫn ăm no! Điều này đã truyền lại cho nhiều thế hệ sau. Do đó, con đường học vấn để lập nghiệp vẫn chưa trở thành nếp nghĩ phổ biến của vùng quê ĐBSCL.

- Sông nước chằng chịt, mênh mông, ngăn trở giao lưu, đi lại khó khăn, đặc biệt là mùa “nước nổi” kéo dài, cản ngại các em bước chân đến trường. Nhiều gia đình và học sinh không đủ kiên trì cho con đi học, rồi bỏ học. Hiện còn gần 200 xã chưa thông xe, 1 triệu dân sống trong vùng lũ...

- Dân cư ở ĐBSCL nhiều nơi còn sống rải rác, thiếu tập trung, nhà xa trường, dễ làm nản lòng những học sinh chưa quyết chí học tập.

- Các gia đình ở vùng sâu, vùng xa với kinh tế thuần nông, còn thiếu thốn nhiều bề, đặc biệt là đồng bào Khmer, không đủ điều kiện cho con đến trường.

- Tâm lý học tập là học để biết để vận dụng, ít có thói quen học “thuộc lòng” hay “tầm chương trích

cú”. Nhiều thầy giáo từ miền Bắc vào cũng nhận xét: Nếu học sinh (sinh viên) ở miền Bắc, miền Trung thích đi vào lý luận, học thuật, thì học sinh (sinh viên) ở đây, thích đặt câu hỏi: làm sao, làm như thế nào, vận dụng vào thực tế ra sao? Còn thi cử của chúng ta hiện nay thì nặng nề “học thuộc” và lý thuyết suông!

Những lý do nói trên ảnh hưởng không ít đến mặt bằng dân trí ở vùng ĐBSCL và đến nay, nơi đây vẫn có mặt bằng dân trí thấp so với nhiều vùng trong nước. Song nếu nhìn một cách toàn diện và khách quan, thì chỉ với hơn 200 năm dựng nghiệp của những lưu dân người Việt, ĐBSCL góp mặt không ít anh tài hào kiệt cho quê hương và đất nước.

2. ĐBSCL vẫn là nơi cung cấp nhiều tài năng cho đất nước

Điều này trước tiên có thể cảm nhận qua bài viết của người con Nghệ Tĩnh, đã nhiều năm gắn bó với ĐBSCL: “*Đường như có một bức tranh tương phản trong trình độ dân trí ở ĐBSCL. Nơi đây vốn là vùng đất sinh ra nhiều danh nhân tài cao học rộng... Và từ buổi đầu kháng chiến chống thực dân Pháp cho tới nay, là nơi cung cấp cho đất nước đội ngũ trí thức khá đông đảo với hàng chục hàng trăm ngàn các bậc trí giả, nhà khoa học, nhà thơ, nhà văn, nhà báo... trong đó có nhiều tên tuổi được xếp vào bậc đầu đàn của đất nước và không ít người được thế giới biết tên tuổi...*” (Phan Huy - Báo Nhân dân cuối tuần, số 37 (397), ngày 8.9.1996). Tác giả đã nhìn nhận rất khách quan và công bằng về đất và người ĐBSCL. Có lẽ đặc tính hào sảng, phóng khoáng, sáng tạo của người đi “khai phá” đã tạo nên vóc dáng đó.

Cũng minh chứng thêm bằng lời kể của GS.TS. Đặng Đình Áng: Sau giải phóng miền Nam, học giả Đào Duy Anh vào thăm và yêu cầu GS đưa về thăm ĐBSCL. Ông nói: Đồng ruộng thì ở đâu cũng vậy, song ông muốn biết vùng đất mà ông cho là đã sản sinh ra nhiều anh tài hào kiệt.

Thật vậy, khởi đầu của công cuộc mở đất và giữ nước, nơi đây đã tụ hội không ít các bậc anh hùng hào

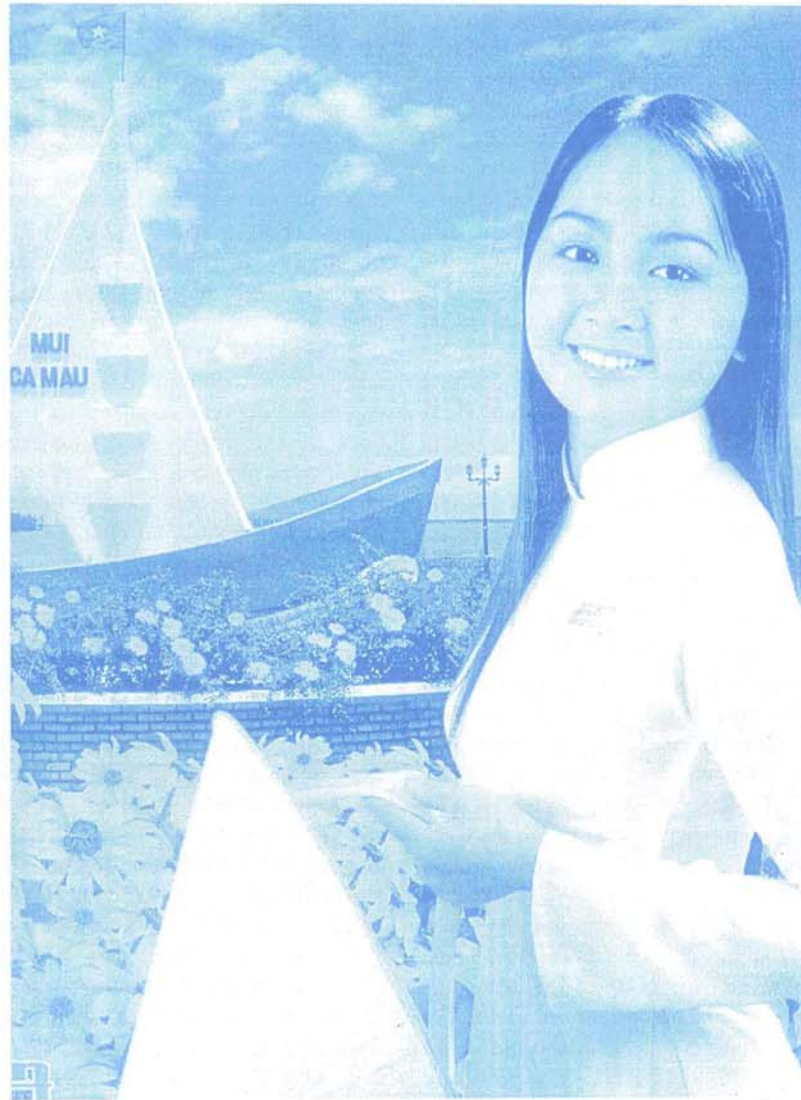
khí: Nguyễn Trung Trực, Thiên Hộ Dương, Trương Định (cũng dựng binh trên đất này), Nguyễn Huỳnh Đức ... Bên cạnh đó, cũng sản sinh ra nhiều bậc sĩ phu học giả uyên bác và đầy khí khái như: Thủ Khoa Huân, Thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa, Phan Văn Trị, Huỳnh Mẫn Đạt, Nguyễn Thông, Phan Thanh Giản (Tiến sĩ đầu tiên của Nam Kỳ), cụ Võ Trường Toản, và cụ Nguyễn Đình Chiểu, cuối đời cũng gắn với vùng đất này ...

Nổi bật nhất là nơi đây, khi bản đồ Việt Nam còn ít người biết đến và mảnh đất cực Nam lại càng ít biết hơn, cũng đã sản sinh ra nhà bác học Trương Vĩnh Ký - được suy tôn là một trong 18 bác học thế giới đương thời (lưu ở Viện bảo tàng Louvre). Ông là nhà thông thái, biết thông thạo 27 thứ tiếng, để lại hàng trăm tác phẩm có giá trị, đóng góp lớn trong truyền bá chữ quốc ngữ và nhà báo Việt Nam đầu tiên.

Nếu nói văn hoá nghệ thuật là sáng tạo, thì ở đây cũng đã ghi đậm nét vào kho tàng văn hoá dân tộc bằng dòng nhạc tài tử cải lương với tâm huyết của những lưu dân không nhiều chữ nghĩa. Cha đẻ của nó là Cao Văn Lầu và tiếp nối là những nghệ sĩ lừng danh: Trần Hữu Trang, Năm Châu, Phùng Há, Út Trà Ôn, Ba Vân, Ba Du, Thành Tôn, Hà Triều - Hoa Phượng, Viễn Châu và đội ngũ hùng hậu qua các thế hệ...

Những sự kiện trọng đại trong canh tân văn hoá là chữ quốc ngữ và báo chí thời cận đại cũng là sự góp mặt tiên phong của những người con vùng đất này mà tiêu biểu là bác học - nhà báo Trương Vĩnh Ký; rồi những chủ bút nữ giới đầu tiên bà Sương Nguyệt Ánh, bà Nguyễn Đức Nhuận và nhiều nhà báo nổi tiếng khác. Các nhà văn đi đầu trong viết tiểu thuyết bằng chữ quốc ngữ có Hồ Biểu Chánh, rồi thi nhân Đông Hồ - Mộng Tuyết, học giả Vương Hồng Sển, nhà Nam Bộ học Sơn Nam...

Trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, nhiều trí thức nổi tiếng đã rời bỏ vinh hoa phú quý vào bưng biển dẫn thân cho cuộc kháng chiến thần thánh, như Cụ Cao Triều Phát (Bác Hồ gọi là người bạn già miền Nam) đã hiến cho cách mạng cả nghìn ha;



ky sư Nguyễn Ngọc Nhựt (Bác Hồ gọi là "quân tử mới"), đã rời khỏi vị thế vững chắc trong "làng Tây" ra kháng chiến và hy sinh anh dũng; GS Trần Đại Nghĩa rời bỏ nước Pháp với mức lương tháng 22 lượng vàng để theo Bác làm "đại nghĩa"; GS Lương Định Của rời chức giáo sư một trường đại học danh tiếng ở Nhật, đưa gia đình vào chiến khu. Gia đình trí thức Phạm Ngọc Thảo (nhà tình báo chiến lược Nguyễn Thành Luân trong "Ván bài lật ngửa") đều đi theo con đường đã chọn. Và còn rất đông đảo trí thức khác như Luật sư Nguyễn Hữu Thọ, Kiến trúc sư Huỳnh Tấn Phát...

Nơi đây cũng có không ít các nhà khoa học và các nhà văn hoá nghệ thuật hàng đầu của đất nước, như GS

Viện sĩ Trần Đại Nghĩa (Bác Hồ gọi là Đại trí thức), Bác sĩ nông học nổi tiếng Lương Định Của, GS Trần Văn Giàu, Bác sĩ Nguyễn Văn Hưởng (nguyên Bộ trưởng Y tế)... Những trụ cột trong âm nhạc cách mạng: GS Viện sĩ Lưu Hữu Phước, Nhạc sĩ Hoàng Việt (người Việt Nam đầu tiên viết nhạc giao hưởng) và những tên tuổi các nhạc sĩ sáng tác những bài ca về Bác Hồ, về thủ đô thân yêu sống mãi với thời gian (Hoàng Hiệp, Phan Nhân, Trần Kiết Tường...). Đứng đầu trong hội họa cách mạng: Họa sĩ Nguyễn Sáng, Huỳnh Phương Đông, các nhà điêu khắc Diệp Minh Châu, Nguyễn Hải... Trong văn học cách mạng có nhà văn Anh Đức, Nguyễn Quang Sáng, Trang Thế Hy,

nhà thơ Lê Anh Xuân, Viễn Phương... Tiêu biểu trong giới nghệ thuật có nhà điện ảnh tài ba Khương Mễ (Người Pháp ví ông như Lumière của Pháp), cụ Nguyễn Thế Đoàn, NSND Hồng Sến (đến nay vẫn là người duy nhất được Giải thưởng Hồ Chí Minh trong điện ảnh), NSND Lâm Tới, NSND Can Trường (người đóng vai Lenin đầu tiên trong kịch trường cách mạng) và còn rất đông đảo nghệ sĩ tài năng qua các thế hệ.

Để ghi nhận công lao to lớn trong 2 cuộc kháng chiến, Giải thưởng Hồ Chí Minh đợt I được trao cho những nhà khoa học, văn hoá, nghệ thuật kiệt xuất nhất đã cống hiến xuất sắc, cho trên 50 người thì ĐBSCL đã có 11 người.

Bên cạnh đó, cũng không ít nhà khoa học có tầm cỡ quốc tế, luôn hướng về tổ quốc: Nhà bác học Nguyễn Đạt Xưởng (đệ nhất Bắc đẩu bội tinh của Pháp) nhà khoa học Trương Trọng Thi (một trong những người đầu tiên phát minh máy vi tính), GSTS nhạc sĩ Trần Văn Khê, GSTS Nguyễn Thuyết Phong (Di sản quốc gia Mỹ) - cả hai ông là những người Việt Nam đầu tiên được ghi tên vào Đại từ điển danh nhân âm nhạc quốc tế, Tiến sĩ nhà kinh tế Trần Văn Thìn (nguyên Đại sứ Cộng đồng châu Âu)...; giới trẻ có nữ khoa học gia Trần Kim Huy (chế tạo vật liệu cho tàu vũ trụ vào sao Hỏa ở NASA - Hoa Kỳ) và rất nhiều nhà khoa học thành đạt khác ở nước ngoài.

Trong giới kinh doanh hàng đầu, từ xưa có: "Nhất Sĩ, nhì Phương, tam Xưởng, tứ Đạt", trong đó có nhiều người ở miền Tây. Sau này có các doanh nhân hàng đầu như: Trương Văn Bền, Nguyễn Tấn Đời... Lùi về trước nữa, ở đây có không ít nhà điền chủ kiêm tư sản sở hữu hàng chục nghìn ha đất, như Trần Trinh Trạch, sử dụng máy bay đi thăm đồng mà đến nay chưa lập lại. Ngày nay rất nhiều nhà kinh doanh thành đạt trên đất Sài Gòn và ở nước ngoài, trong đó có không ít người cũng không mấy giàu chữ nghĩa.

Ở góc độ khác, khi nói về tính sáng tạo và xả thân của người Nam Bộ, Cố TBT Lê Duẩn có nói đại ý: ở Nam Bộ có nhiều người rất đặc sắc mà

ở những nơi khác ít thấy (trích bài viết của học giả Trần Bạch Đằng). Điều này có thể rất nhiều minh chứng như: Đài tiếng nói Nam Bộ phát sóng trên xuống ở vùng U Minh xa xôi vẫn hoạt động đều đặn, mà giới báo chí gọi là một thời "tay không lấp máy phát thanh" (Báo SGGP 22.12.2000). In giấy bạc cụ Hồ trong thời kháng chiến cũng là chuyện hi hữu về lòng nhiệt huyết và chí sáng tạo (ở Việt Bắc TW được TQ giúp đỡ). Vũ khí tự tạo được nở rộ trong chiến tranh nhân dân, rồi đến những đội quân tóc dài tay không đánh giặc. Ở đây cũng có nhiều nhân vật độc đáo như ông "Phật sống" theo kháng chiến; nhà sư Thích Huyền Diệu xây chùa trên đất Phật Ấn Độ, Nepal để độ thế; người Việt duy nhất được nhà vua Sihanouk phong hiệu "Công tước" bởi những đóng góp tài chính lớn lao cho Vương quốc Campuchia; người phụ nữ Việt Nam mảnh khảnh (bà Anoa quê gốc Mỹ Tho) lái máy bay vượt 14.000 cây số từ Paris đến Việt Nam qua 22 quốc gia với 41 lượt dừng chân để về góp sức xây dựng quê hương hoặc người nữ thuyền trưởng Việt Nam đầu tiên và duy nhất hiện nay (Nguyễn Thị Hồng) đã cứu sống 36 người trong cơn bão lịch sử số 5 giữa biển khơi, đến nữ tướng duy nhất của Việt Nam thời hiện đại Nguyễn Thị Định và biết bao nhiêu những huyền thoại và "quái kiệt" khác từ khi "mở" đất, còn mãi lưu truyền...

Đất chín rồng cũng là nơi sinh ra nhiều tài năng vượt trên trình độ học vấn: Sau giải phóng miền Nam, GSVS Trần Đại Nghĩa, có nói: Đất miền Nam có rất nhiều người "tay nghề đi trước học thức". Đó là những người "chân đất" không có điều kiện học hành nhưng có đầu óc sáng tạo vượt qua nhiều lần so với sức học của họ. Với trình độ văn hoá cấp I, có nhiều người lập những kỳ tích, tiêu biểu như "thần đèn" Nguyễn Cẩm Lũy, nhà nhân giống lúa mới Hai Triền, "kỹ sư" cầu treo Sáu Quý; "nhà sáng chế" máy hút bùn Trần Văn Dũng, "nhà chế tạo" máy gặt đập liên hợp Bùi Hữu Nghĩa, "kỹ sư" máy dệt chiếu Nguyễn Văn Long, "vua cua - ghẹ lộc" Nguyễn Văn Quan, người cho cá da trơn đẻ "nhân tạo" không phòng thí

NGHIỆM, người thu mua phế liệu - không được qua đào tạo - trở thành người Việt Nam đầu tiên làm khủng long máy (Dương Tấn Thành - quê gốc An Giang) và còn nhiều lắm... Trong hoàn cảnh còn khó khăn, người nông dân ở đây bằng sáng tạo đã đóng góp không nhỏ "nội lực" để tạo vị thế cho châu thổ... Người công nhân đất lúa cũng rất khéo léo và lương tâm nghề nghiệp. Ngoài ra, nhiều thế hệ, sinh viên học lực bình thường song đã được khẳng định trong nghề nghiệp, đặc biệt trên đất Sài Gòn.

Các lĩnh vực khác cũng có sự đóng góp không ít của người ĐBSCL:

Những con em Nam Bộ tập kết ra Bắc so với toàn bộ con em miền Nam tập kết không nhiều (1/12 tổng số), song công bằng mà nói, đã đóng góp không nhỏ vào những ngày đầu xây dựng công nghiệp, nông nghiệp, hàng không, hàng hải trên đất Bắc. Điều đáng nói là thời kỳ đó khoa học kỹ thuật còn thấp kém, thông tin rất hạn chế, chỉ có thể làm được bằng nhiệt huyết và trí sáng tạo. Trong lịch sử không quân Việt Nam, những người con miền Tây cũng có mặt hai trong ba anh hùng đầu tiên (Nguyễn Văn Bảy, Lâm Văn Lích), đến tiếng bom cảnh báo ở dinh độc lập báo hiệu mùa xuân đại thắng của anh hùng phi công Nguyễn Thành Trung và còn nhiều huyền thoại khác... Đường Trường Sơn trên biển đầy gian nan cũng có công đầu của những đứa con vùng cực Nam. Phong trào HSSV với dấu ấn lịch sử ngày 9/1 và phong trào đấu tranh của SV trong lòng nước Mỹ, có sự đóng góp không nhỏ của những đứa con châu thổ (Trần Văn Ôn, Nguyễn Thái Bình). Những đóng góp đầu trong thể thao, như: "Ngôi sao Gia Định" huyền thoại bóng đá Trương Tấn Bửu, vô địch quần vợt Đông Nam Á Võ Văn Bảy, đại lực sĩ Hà Châu... cũng ở vùng đất này. Trong đạo và đời những người con ở đây cũng có những gương mặt đóng góp nổi bật và độc đáo.

Có thể nói đây là vùng đất có những đóng góp rất đa diện và đặc sắc. Mặt khác cũng là vùng đất góp nhiều nhà lãnh đạo có đức có tài và tuy là vùng thuần nông nhưng không ít người đi đầu và hành động trong canh tân.

Tôi nghĩ, là một nhà uyên bác, lời phát biểu của Thủ tướng Phạm Văn Đồng trong ngày giỗ đầu của Bác Hồ thật không ngẫu nhiên: “*Chủ tịch Hồ Chí Minh là con chim đại bàng của dãy Trường Sơn, có tầm mắt nhìn thấu tận châu thổ sông Hồng, nơi quê hương của thủy tổ và đến ĐBSCL, nơi quê hương giàu hoa quả và trí dũng*”.

3. Một vài suy tư

Những điều đề cập trên được nhìn từ nhiều góc cạnh khác nhau, song tiêu điểm của nó là đức tính hào sảng phóng khoáng về sáng tạo của những lưu dân ở đây. Người miền Tây có thể ít nổi danh trên “trường thi” nhưng không ít đã được khẳng định trong cuộc sống. Từ đó, liên hệ với những đặc điểm, mặt bằng dân trí và hiện trạng thi cử, nhân tài và những quan hệ kinh tế - xã hội khác, chúng tôi có vài suy tư:

Thứ nhất, ĐBSCL hiện nay mặt bằng dân trí vẫn còn thấp, số người tốt nghiệp đại học tính trên dân số còn

đứng sau so với các vùng trong cả nước. Đảng và Nhà nước đã có nhiều biện pháp khắc phục tình trạng trên. Theo chúng tôi để nhanh rút ngắn chênh lệch đó, ngoài phát triển mạnh giáo dục phổ thông, tạm thời có thể áp dụng cơ chế “đặc cách” là không giới hạn theo điểm “sàn” chung, mà cho phép tuyển với điểm sàn tiệm cận đến chỉ tiêu đào tạo ở mức có thể chấp nhận. Dù biết rằng điểm tuyển thấp sẽ ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo, nhưng bù vào đó là tăng nguồn và rồi “lượng” sẽ dần biến thành “chất”. Mặt khác chúng ta cũng không phủ định thi cử là quan trọng, là cơ sở để đánh giá chất lượng đầu vào, song nó chưa phải là tiêu chí duy nhất, bởi nó còn chịu ảnh hưởng của nhiều nhân tố khác như: phương pháp đào tạo, khả năng tự rèn luyện và đặc biệt là tính năng động ứng phó linh hoạt trong thực tiễn. Điều này cũng phù hợp với chủ trương của Nhà nước là kết hợp chặt chẽ giữa nâng cao dân trí, phát

triển nhân lực và bồi dưỡng nhân tài gắn với đặc thù của vùng.

Thứ hai, nên khôi phục và mở rộng hệ đại học “mở”, đặc biệt là đối với các tỉnh phía Nam và ĐBSCL, theo nguyên tắc “rộng đầu vào, chặt đầu ra” để tăng nguồn nhân lực có trình độ ĐH. Nên đổi mới quan niệm: học không chỉ để tìm việc làm, mà làm tốt hơn việc mình đang làm (có thể làm nông, buôn bán...), tạo việc làm cho chính mình và cho cộng đồng.

Thứ ba, sớm cải tiến thi tuyển, giảm thiểu thi theo kiểu học thuộc lòng, thụ động; tiến tới bỏ các kỳ thi tuyển ĐH; chỉ duy trì thi tuyển vào các trường đại học trọng điểm quốc gia, nhằm đào tạo nguồn nhân tài thực sự cho đất nước.

Thứ tư, ý tưởng kết cục của tôi là cần có cách nhìn toàn diện và cụ thể để có sự quan tâm đúng mức trong đầu tư khai thác tương xứng tiềm năng của ĐBSCL, mà điểm xuất phát là nhìn từ giáo dục và đào tạo ■

(Tiếp theo trang 12)

Chính phủ điện tử ...

Nghiên cứu kinh nghiệm xây dựng CPĐT của các nước cho thấy: muốn xây dựng CPĐT thành công thì cần có khung pháp lý, những chính sách ở tầm vĩ mô định hình cụ thể cho việc triển khai CPĐT. Bên cạnh đó phải có sự tương tác của cả hai bên: bên cung cấp và bên sử dụng dịch vụ của CPĐT. Vì vậy, một mặt chính phủ trung ương và các địa phương phải tiếp cận với công nghệ mới, nâng cấp quy trình và đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho CPĐT; Mặt khác, người dân và doanh nghiệp cũng phải được chuẩn bị chu đáo để chấp nhận tự phục vụ với sự hỗ trợ của các thiết bị hiện đại và hệ thống thông tin.

Thời gian qua việc triển khai CPĐT ở VN còn chậm do chúng ta chưa có khung pháp lý cần thiết cho việc sử dụng CNTT trong toàn quốc, còn thiếu những chính sách ở tầm vĩ mô để xây dựng CPĐT; còn thiếu kinh nghiệm để xây dựng hệ thống thông tin tổng thể; hạ tầng công nghệ còn yếu kém, chưa tương xứng với quy mô và yêu cầu của việc triển khai CPĐT. Công nghệ bảo mật, bảo vệ dữ liệu, phòng chống tin tặc và chống virus chưa bảo đảm; việc chuẩn hoá các quy trình thủ tục hành chính không theo kịp tiến độ triển khai CPĐT. Phần lớn công chức và người dân (cả bên cung cấp lẫn bên sử dụng các dịch vụ CPĐT) chưa hiểu rõ về CPĐT cùng với lợi ích của nó và chưa sẵn sàng cho việc triển khai CPĐT.

Hướng tới tương lai

Theo TS. Trần Minh Tiến – Viện trưởng Viện chiến lược bưu chính-viễn thông, mục tiêu tổng quát trong xây dựng

CPĐT ở VN là đến năm 2010 đảm bảo cung cấp kịp thời, đầy đủ thông tin thiết yếu và từng bước cung cấp dịch vụ công trực tuyến một cửa cho người dân và các doanh nghiệp mọi nơi, mọi lúc, giúp cho người dân và các doanh nghiệp làm việc với các cơ quan chính phủ nhanh hơn, thuận tiện hơn, tiết kiệm hơn. Cụ thể, 100% cơ quan chính phủ có trang web, hơn 50% doanh nghiệp tại TP. HCM và Hà Nội tiếp cận dịch vụ công trực tuyến; trên 25% người dân tại đô thị cấp 1 sử dụng chứng minh nhân dân điện tử; hệ thống thông tin tài chính, ngân hàng, hải quan đạt trình độ tiến tiến trong khu vực; đảm bảo trao đổi thông tin, chỉ đạo, điều hành xuyên suốt, kịp thời... Để làm được điều đó cần: Hoàn chỉnh khung pháp lý cho việc sử dụng CNTT, nói chung, triển khai CPĐT, nói riêng, trên toàn quốc; công khai hóa các dịch vụ, hoạt động, thủ tục của chính quyền các cấp trên mạng, thông qua các cổng giao tiếp điện tử; bồi dưỡng kiến thức về CPĐT rộng khắp trong toàn dân; nâng cấp cơ sở hạ tầng công nghệ, tập trung xây dựng trang web của Chính phủ, xây dựng CPĐT lấy người dân làm trọng tâm, học tập kinh nghiệm của các nước đi trước trong lĩnh vực xây dựng CPĐT...■

Tài liệu tham khảo

- Nguyễn Minh Hiền, Thị trường bưu chính viễn thông VN: Năng cao năng lực cạnh tranh để phát triển, Thế giới vi tính-PC WORLD, tháng 12.2004
Trần Minh Tiến, Một số định hướng kế hoạch phát triển chính phủ điện tử, Viện chiến lược bưu chính - viễn thông, Bộ bưu chính - viễn thông, 2004.
Park, I.K., National Competitiveness and EC. The Journal of Informatization. Vol. 3, pp. 20-41, 1996.
Kalakota, R. & Whinston, A. B., Readings in Electronic Commerce. Addison-Wesley Publishing, 1997.
Malone, T., Yates, J. & Benjamin, R. (1987), Electronic Markets and Electronic Hierarchies. Communications of the ACM, Vol. 30, No. 6, pp. 484-497, June 1987.